

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025
LỚP NHÓM TRẺ B

` Căn cứ vào kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025 của khối nhóm trẻ
` Căn cứ vào cơ sở vật chất của lớp, đặc điểm tình hình thực tế của trẻ, nhóm trẻ B xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025 như sau:

Stt	MỤC TIÊU	NỘI DUNG	Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh bổ sung
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
1	Cân nặng bình thường Trẻ trai: 11,3 - 18,3 kg Trẻ gái: 10,8 - 18,1 kg	- Cân trẻ 4 lần /năm, với trẻ suy dinh dưỡng 1 tháng 1 lần	9	
2	Chiều cao bình thường Trẻ trai: 88,7- 103,5 cm Trẻ gái: 87,4- 102,7 cm	- Đo trẻ 4 lần /năm, với trẻ thấp còi 1 tháng 1 lần	9	
a) Phát triển vận động				
3	Trẻ thực hiện được động tác trong bài thể dục: Hô hấp, tay, lưng/bụng và chân	- Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: + Giơ lên cao + Đưa ra phía trước + Đưa sang ngang + Đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay - Lưng, bụng, lườn: + Nghiêng người sang 2 bên + Cúi người về phía trước + Vặn người sang 2 bên - Chân: + Co duỗi từng chân. + Ngồi xuống, đứng lên	1->9	
4	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh-chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay	- Đi theo hiệu lệnh. - Đi trong đường hẹp - Đi bước qua gậy kê cao - Đi có mang vật trên tay - Chạy theo hướng thẳng - Đứng co 1 chân - Đi theo đường ngoằn ngoèo - Chạy đổi hướng - Đi kết hợp với chạy	1->9	

5	Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung-bắt bóng với cô khoảng cách 1m, ném vào đích xa 1 -> 1,2m.	<ul style="list-style-type: none"> - Tung - bắt bóng cùng cô - Ném bóng vào đích - Ném xa bằng 1 tay - Tung bóng qua dây 	2,3,4 ,7,8	
6	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng	<ul style="list-style-type: none"> - Bò thẳng hướng và có mang vật trên lưng - Bò chui qua cổng - Bò, trườn qua vật cản - Bò theo đường zích zắc - Bò theo đường ngoằn ngoèo - Bò thẳng hướng theo đường hẹp. 	1,2,3 ,4,5, 7,6,8 ,9	
7	Trẻ biết thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m)	<ul style="list-style-type: none"> - Bật tại chỗ. - Bật qua vạch kẻ. - Ném bóng về phía trước - Nhún bật về phía trước - Bật qua các vòng. 	1,2, 3, 4,5, 6, 8,9	
8	Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện "múa khéo"	<ul style="list-style-type: none"> - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, Rót, nhào, khảy, đào, vò xé - Đóng cọc bàn gỗ 	1- 9	
9	Trẻ biết phối hợp cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất, nặn, vẽ tổ chim, khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhón, nhặt đồ vật - Tập khâu, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây - Chắp ghép hình - Xếp chồng 6-8 khối gỗ - Tập cầm bút tô, vẽ - Lật mở trang sách 		

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

10	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống - Thực hiện tuần lễ dinh dưỡng với chủ đề "Ngày hội dinh dưỡng của bé" 	1,2,3 ,5	
11	Trẻ thực hiện được ngủ 1 giấc buổi trưa	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập thói quen ngủ 1 giấc trưa 	1,2	
12	Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu 	1,2,3	

		ăn, uống, vệ sinh	,4,7, 8	
13	Trẻ làm được 1 số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)	- Luyện tập một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín, Rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; bỏ rác đúng nơi quy định - Tự phục vụ: xúc cơm, uống nước - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt - Chuẩn bị chỗ ngủ	1,2,5 ,9	
14	Trẻ biết chấp nhận đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị ẩm ướt - Mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	1,2,3 ,5,9	
15	Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào gần hoặc đến gần.	3,7,8 ,9	
16	Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	2,3,7 ,8,9	
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức				
17	Trẻ có thể sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng -mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua) - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu.	3,5,6 ,7	
18	Trẻ biết chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử	- Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và	1,3,4	

	dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. – Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp.	,9	
19	Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	– Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. – Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. – Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp.	1,2,4	
20	Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi, giới tính, những người thân yêu	– Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. - Cha mẹ người thân yêu, tránh người lạ.	2,4	
21	Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc	- Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa quả quen thuộc – Tên, đặc điểm nổi bật công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.	5,7,8	
22	Trẻ biết chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu.	– Màu đỏ, vàng, xanh.	1,2,3 ,4,5, 6,8,9	
23	Trẻ biết chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ;	– Kích thước to - nhỏ... – Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ. – Số lượng một - nhiều. – Hình tròn, hình vuông...	3,4,5 ,7, 9	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
24	Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động;	– Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. – Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc. – Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.	2,4, 6,8	
25	Trẻ biết trả lời các câu hỏi : “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì ?”, “....thế nào ?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”,	– Nghe các câu hỏi: cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào? – Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?, thế nào?, để làm gì?, tại	1,2,3 ,5,7,	

	...)	sao?...	9	
26	Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	– Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. - Lắng nghe khi người lớn đọc sách - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có sự gợi ý	1,3,4 ,5,6, 7,8,9	
27	Trẻ biết phát âm rõ tiếng.	- Phát âm các âm khác nhau	1->9	
28	Trẻ đọc được bài thơ ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có 3-4 tiếng	1->9	
29	Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, đồ vật hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	– Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.	4,5,6 ,7,8, 9	
30	Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: – Chào hỏi, trò chuyện. – Bày tỏ nhu cầu của bản thân. – Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?, ...	– Giao tiếp với những người xung quanh - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Xem tranh và gọi tên nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh	2,3,4 , 7,8,9	
31	Trẻ biết nói to, đủ nghe, lễ phép.	– Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.	4,6,9	
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ				
32	Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi)	– Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân.	2	
33	Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích.	– Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình	2,3	
34	Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	– Giao tiếp với những người xung quanh.	4,6,9	
35	Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	– Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.	2,4,9	
36	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ			

37	Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	<ul style="list-style-type: none"> – Quan tâm đến các vật nuôi. - Biết chăm sóc con vật nuôi . 	7	
38	Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.	<ul style="list-style-type: none"> – Thực hiện một số hành vi giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”. - Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn) 	1,2,4,6	
39	Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	<ul style="list-style-type: none"> – Thực hiện một số hành vi văn hóa chơi cạnh bạn, không cầu bạn. – Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. 	1->9	
40	Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	<ul style="list-style-type: none"> – Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. - Chơi hòa thuận với bạn 	1,3,9	
41	Trẻ biết thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	<ul style="list-style-type: none"> – Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. – Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định. - Thực hiện một số quy định ở lớp (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ) 	3,5,8	
42	Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.	<ul style="list-style-type: none"> – Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. – Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc. 	1->9	
43	Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguyệt lịch ngoài).	<ul style="list-style-type: none"> – Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xếp hình, xé, vò, xếp hình 	1-9	

DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

Thời gian, (Tháng, ngày.... đến ngày)	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ hội	Điều chỉnh hỗ sung
9/9 – 27/9/2024	1	Bé và các bạn	Lớp học của bé	1		
			Các bạn của bé	1		
			Các cô, bác trong trường bé	1		
30/9 - 25/10/2024	2	Bé biết gì về bản thân	Bé là ai	2		
			Cơ thể kỳ diệu của bé	2		
28/10 - 22/11/2024	3	Đồ dùng đồ chơi của bé	Những đồ chơi gần gũi quen thuộc	1		
			Những đồ chơi bé thích	1		
			Đồ dùng của bé	2		
25/11- 20/12/2024	4	Bé và những người thân yêu trong gia đình	Gia đình thân yêu của bé	2		
			Bố mẹ của bé	1		
			Đồ dùng quen thuộc trong gia đình bé.	1		
23/12 - 17/1/2025	5	Hoa, quả, rau, củ bé yêu	Bé yêu hoa	1		
			Bé thích quả gì?	1		
			Bé biết rau gì?	1		
			Đố bé biết củ gì?	1		
20/1 -			Sắp đến tết rồi	1		

21/2/2025	6	Tết và mùa xuân	Ngày tết vui vẻ	1		
			Mùa xuân đến rồi	2		
24/2 – 21/3/2025	7	Những con vật đáng yêu	Con vật nuôi trong gia đình có 2 chân.	1		
			Con vật nuôi trong gia đình có 4 chân	1		
			Con vật sống trong rừng	1		
			Con vật sống dưới nước	1		
24/3 – 18/4/2025	8	Phương tiện giao thông	Phương tiện giao thông đường bộ: Xe đạp, xe máy; Ô tô, tàu hỏa.	2		
			Phương tiện giao thông đường thủy	1		
			Phương tiện giao thông đường hàng không	1		
21/4 – 23/5/2025	9	Mùa hè - Bé lên mẫu giáo	Mùa hè đến rồi	1		
			Trang phục mùa hè	1		
			Bé lên mẫu giáo	1		
			Các hoạt động hàng ngày của bé ở lớp	1		
Tổng				35		

Ban giám hiệu

Cà Thị Thanh Huyền